

Số: 24/2018/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 07 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 517/TTr-SNV ngày 28 tháng 7 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức hội có tính chất đặc thù chịu sự quản lý Nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành có liên quan trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2018 và thay thế Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, giám đốc các sở, ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch các hội có tính chất đặc thù chịu sự quản lý Nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP và CVCK;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC, Hiệp(100b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cầm Ngọc Minh

QUY ĐỊNH

Về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Sơn La
(Kèm theo Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi

1. Quy định này quy định các tiêu chí, trình tự, thủ tục đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh (sau đây gọi chung là sở); UBND các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện); các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, các ban quản lý (sau đây gọi chung là đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh); tổ chức hội đặc thù có người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu là công chức, viên chức đương nhiệm và chịu sự quản lý Nhà nước của UBND tỉnh và các sở, ngành có liên quan (sau đây gọi chung là hội). Sở, UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập, hội được gọi chung là các cơ quan, đơn vị.

2. Quy định này không áp dụng để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan thuộc khối Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội cấp tỉnh, cấp huyện; các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Mục đích đánh giá

1. Thông qua đánh giá, xếp loại phản ánh đúng mức độ, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Trên cơ sở đó, đề ra các giải pháp để phát huy những mặt tích cực, khắc phục các mặt yếu kém trong hoạt động chỉ đạo, điều hành quản lý hành chính nhà nước. Kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị là tiêu chí quan trọng để xét thi đua - khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Điều 4. Nguyên tắc đánh giá

1. Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị phải căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị được quy định tại các văn bản pháp luật của Nhà nước, của tỉnh và những công việc được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; đồng thời xem xét đến yếu tố năng động, sáng tạo, hiệu quả trong tham mưu đề xuất và thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

2. Hàng năm các cơ quan, đơn vị căn cứ quy định về tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ tại Quyết định này và đối chiếu với kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị để tự đánh giá, chấm điểm trên từng tiêu chí quy định, đảm bảo trung thực, chính xác.

3. Khi tiến hành đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị phải đảm bảo khách quan, khoa học, công khai, công bằng, dân chủ, phản ánh đúng những kết quả đã đạt được trong năm của cơ quan, đơn vị, đồng thời xác định, làm rõ số lượng, khối lượng công việc chưa hoàn thành trong năm của đơn vị và đề ra giải pháp khắc phục trong năm tiếp theo.

4. Các cơ quan, đơn vị được xếp loại thứ tự theo tổng số điểm đạt được từ cao xuống thấp. Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định số lượng tập thể được xếp loại “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” không vượt quá 20% số tập thể được xếp loại “hoàn thành tốt nhiệm vụ” và được xếp theo từng nhóm đối tượng có vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ tương đồng (20% đối với sở; 20% đối với UBND cấp huyện; 20% đối với đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; 20% đối với hội)

5. Việc tự đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị được tổ chức định kỳ vào tháng 12 hàng năm và chậm nhất ngày 31/12 hàng năm, các cơ quan, đơn vị phải gửi hồ sơ về cơ quan thường trực hội đồng đánh giá cấp tỉnh (Sở Nội vụ). Việc phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị hoàn thành chậm nhất trong tháng 02 của năm liền kề.

Chương II

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI

Điều 5. Tiêu chí đánh giá và chấm điểm

1. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với các sở (theo Phụ lục 1, kèm theo Quy định này).

2. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với UBND cấp huyện (theo Phụ lục 2, kèm theo Quy định này).

3. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh (theo Phụ lục 3, kèm theo Quy định này).

4. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với hội (theo Phụ lục 4, kèm theo Quy định này).

Điều 6. Phương pháp chấm điểm

1. Thang điểm theo tiêu chí chấm là 92

Căn cứ vào quy định thang điểm chuẩn của từng tiêu chí, các cơ quan, đơn vị đối chiếu kết quả công việc của cơ quan, đơn vị mình đã thực hiện, mức độ hoàn thành nhiệm vụ hoặc chưa hoàn thành để tự chấm điểm cho từng công việc.

a) Trường hợp cơ quan, đơn vị thực hiện 100% các tiêu chí ban hành kèm theo phụ lục tương ứng Điều 7, Chương II, Quy định này, thì chấm điểm tối đa là 92 điểm.

b) Đối với các cơ quan, đơn vị không được giao nhiệm vụ như tiêu chí quy định thì được chấm 50% số điểm tối đa của tiêu chí đó.

c) Trường hợp cơ quan, đơn vị không thực hiện hoặc thực hiện nhưng không hiệu quả, không đảm bảo tiến độ, chất lượng, số lượng các tiêu chí, các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý, phục vụ của cơ quan, đơn vị hoặc được cấp có thẩm quyền giao thì không được tính điểm trong tiêu chí đó.

2. Điểm cộng

a) Đối với sở

- Có thành tích xuất sắc, nổi bật trong việc tham mưu xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách, mô hình phát triển kinh tế - xã hội; giải quyết, hoàn thành các công việc trọng tâm, trọng điểm, công việc phát sinh, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ghi nhận dựa trên khối lượng, tiến độ hoàn thành và hiệu quả thực hiện các nội dung của quy định (được thưởng không quá 04 điểm);

- Có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt nghiệm thu trong năm có khả năng triển khai ứng dụng, mỗi đề tài, dự án khoa học công nghệ được cộng thêm 1 điểm (tối đa không quá 02 điểm);

- Những trường hợp có thành tích nổi trội khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (không quá 02 điểm).

b) Đối với UBND cấp huyện

- Có thành tích xuất sắc, nổi bật trong việc tham mưu đề xuất xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách, mô hình phát triển kinh tế - xã hội, được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ghi nhận (được thưởng không quá 1,5 điểm).

- Thu hút đầu tư, giải phóng mặt bằng trong năm (từ 3 – 5 dự án được thưởng 0,5 điểm; 5 – 8 dự án được thưởng 01 điểm; trên 08 dự án được thưởng 02 điểm).

- Có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt nghiệm thu trong năm có khả năng triển khai ứng dụng, mỗi đề tài, dự án khoa học công nghệ được cộng thêm 0,5 điểm (không quá 1,5 điểm).

- Thu ngân sách trên địa bàn vượt kế hoạch UBND tỉnh giao đầu năm từ 20% trở lên được cộng thêm 01 điểm.

- Những trường hợp có thành tích nổi trội khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (không quá 02 điểm).

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh

- Áp dụng tiêu chuẩn ISO trong hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập (02 điểm).

- Có thành tích xuất sắc, nổi bật trong việc phục vụ công tác quản lý nhà nước, tổ chức nghiên cứu khoa học có từ 01 đề tài cấp tỉnh trở lên được nghiệm thu (02 điểm).

- Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành hoạt động (không quá 02 điểm).

- Những trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (không quá 02 điểm).

d) Đối với hội

- Có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt triển khai thực hiện trong năm (02 điểm).

- Hoàn thành nhiệm vụ được Tỉnh ủy, UBND tỉnh đặt hàng đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng (02 điểm)

- Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành hoạt động (02 điểm).

- Những trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (không quá 02 điểm).

3. Điểm trừ

a) Đối với sở, UBND cấp huyện

- Tham mưu ban hành hoặc ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, hủy bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền, một văn bản trừ 01 điểm.

- Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền mà không giải quyết trừ 02 điểm.

- Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền có giải quyết nhưng giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng dẫn đến đơn thư vượt cấp (trừ đơn, thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo phản ánh, mỗi trường hợp trừ 1,5 điểm, đúng 01 phần trừ 01 điểm.

- Không tập trung giải quyết hoặc giải quyết không hiệu quả khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền, dẫn đến có khiếu nại, tố cáo kéo dài, đông người phải giải quyết nhiều lần, mỗi trường hợp trừ 02 điểm.

- Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền trừ 02 điểm.

- Trong cơ quan, đơn vị hoặc có đơn vị trực thuộc xảy ra các vụ việc tham ô, tham nhũng; có thành viên Lãnh đạo trong cơ quan trong năm bị kỷ luật hoặc khởi tố, mà hành vi vi phạm xảy ra tại cơ quan, đơn vị đó; có vấn đề nổi

cộm hoặc mất đoàn kết nội bộ khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, bị hạ một bậc xếp loại.

- Bị Chủ tịch UBND tỉnh, hoặc cấp có thẩm quyền có văn bản phê bình, nhắc nhở trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, mỗi lần trừ 0,5 điểm.

- Có cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của cơ quan, đơn vị vi phạm kỷ luật, bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên, mà hành vi vi phạm xảy ra tại cơ quan, đơn vị đó, mỗi trường hợp trừ 01 điểm (*trường hợp nếu tự phát hiện và chủ động xử lý thì sẽ không bị trừ điểm*).

- Có cán bộ, công chức, viên chức, người đứng đầu của các đơn vị trực thuộc bị khởi tố mà hành vi vi phạm xảy ra tại cơ quan, đơn vị đó, theo từng mức độ, bị trừ điểm cho mỗi trường hợp (không quá 03 điểm).

- Những trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (không quá 2 điểm).

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và hội

- Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền mà không giải quyết hoặc giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng dẫn đến đơn thư vượt cấp (trừ đơn, thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo phản ánh, mỗi trường hợp trừ 01 điểm, đúng 01 phần thì trừ 0,5 điểm.

- Có đơn vị trực thuộc xảy ra các vụ việc tham ô, tham nhũng; có thành viên lãnh đạo trong cơ quan trong năm bị kỷ luật hoặc khởi tố, mà hành vi vi phạm xảy ra tại cơ quan, đơn vị đó; có vấn đề nổi cộm hoặc mất đoàn kết nội bộ khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, bị hạ một bậc xếp loại.

- Có công chức, viên chức và lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP vi phạm kỷ luật, bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên, mà hành vi vi phạm xảy ra tại cơ quan, đơn vị đó, mỗi trường hợp trừ 01 điểm (*trường hợp nếu tự phát hiện và chủ động xử lý thì không bị trừ điểm*).

- Có công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP bị khởi tố, mà hành vi vi phạm xảy ra tại đơn vị đó, bị trừ 03 điểm cho mỗi trường hợp.

- Những trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (không quá 2 điểm).

Điều 7. Xác định kết quả xếp loại

1. Xếp loại mức độ hoàn thành thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị được chia thành 4 mức, cụ thể như sau: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ.

a) Xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Đạt từ 90 điểm trở lên và lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu tối đa 20% số cơ quan, đơn vị đạt từ 80 điểm trở lên.

Trường hợp có 02 cơ quan, đơn vị trở lên bằng điểm nhau ở chỉ tiêu cuối cùng thì Chủ tịch Hội đồng xem xét quyết định cơ quan, đơn vị xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Những cơ quan, đơn vị đạt từ 90 điểm trở lên nhưng hết chỉ tiêu, được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

b) Xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ: Đạt từ 80 điểm đến dưới 90 điểm.

c) Xếp loại hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ 50 điểm đến dưới 80 điểm.

d) Xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ: Đạt dưới 50 điểm.

2. Kết quả điểm để xếp loại của các cơ quan, đơn vị là tổng điểm (gồm điểm chấm theo tiêu chí, điểm thưởng, điểm trừ) sau khi được Hội đồng đánh giá xác định theo từng tiêu chí tại Quy định này.

Chương III **THẨM QUYỀN ĐÁNH GIÁ, HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ,** **HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ**

Điều 8. Thành phần Hội đồng và thẩm quyền đánh giá

1. Thành phần Hội đồng

a) Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

- Thành lập Hội đồng

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị. Thành phần Hội đồng đánh giá gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch UBND tỉnh;

+ Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng: Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách công tác CCHC;

+ Phó Chủ tịch Hội đồng: Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

+ Ủy viên Hội đồng kiêm thư ký: Giám đốc Sở Nội vụ;

+ Các Ủy viên Hội đồng gồm người đứng đầu các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Thanh tra tỉnh.

+ Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

+ Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tự đánh giá theo các tiêu chí quy định.

+ Đánh giá, chấm điểm đối với một số tiêu chí trong phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo quy định.

+ Thẩm định, xem xét quy trình, thủ tục, kết quả chấm điểm trình Chủ tịch UBND tỉnh xét duyệt công nhận, xếp loại các cơ quan, đơn vị theo Điều 6 của Quy định này.

+ Giúp Chủ tịch UBND tỉnh chuẩn bị nội dung báo cáo kết quả xếp loại các cơ quan, đơn vị.

- Thành lập Tổ giúp việc của Hội đồng

+ Tổ giúp việc Hội đồng đánh giá do Chủ tịch Hội đồng quyết định thành lập, thành phần gồm:

+ Tổ trưởng: Giám đốc Sở Nội vụ - Ủy viên Hội đồng đánh giá

+ Tổ phó: Phó Giám đốc Sở Nội vụ phụ trách công tác Cải cách hành chính.

+ Các thành viên: Lãnh đạo và chuyên viên các phòng có liên quan của các sở, ngành: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Thanh tra tỉnh, Sở Nội vụ.

+ Thư ký: Lãnh đạo phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ giúp việc: Thẩm định, rà soát, tổng hợp kết quả tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của các cơ quan, đơn vị, đối chiếu với các tiêu chí đánh giá tại Quy định này. Đề xuất với Hội đồng đánh giá kết quả thẩm định (điểm cộng, điểm trừ) đối với các cơ quan, đơn vị. Dự thảo báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của các cơ quan, đơn vị.

b) Đối với các sở, các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, hội

- Thành lập Hội đồng

Thủ trưởng, người đứng đầu sở, đơn vị sự nghiệp công lập, hội quyết định thành lập Hội đồng. Hội đồng đánh giá gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc sở, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, hội.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng: Các Phó Giám đốc sở, cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hội.

+ Ủy viên Hội đồng kiêm thư ký: Chánh Văn phòng sở (hoặc tương đương).

+ Các thành viên Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị trong cơ quan.

+ Mời: Đại diện đảng ủy (hoặc bí thư chi bộ); trưởng ban thanh tra nhân dân; lãnh đạo các tổ chức đoàn thể của sở, đơn vị sự nghiệp công lập, hội tham gia hội đồng.

+ Văn phòng (hoặc tương đương) của sở, đơn vị sự nghiệp công lập, hội là cơ quan thường trực của Hội đồng.

- Nhiệm vụ của Hội đồng.

+ Giúp người đứng đầu cơ quan, đơn vị tự đánh giá, chấm điểm, thu thập tài liệu kiểm chứng, hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

+ Trình người đứng cơ quan, đơn vị công nhận kết quả tự đánh giá, xếp loại của cơ quan, đơn vị mình.

+ Đề nghị Hội đồng đánh giá cấp tỉnh đánh giá, xếp loại theo quy định.

c) Đối với UBND cấp huyện

- Thành lập Hội đồng

Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của UBND cấp huyện, thành phần Hội đồng đánh giá cấp huyện gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch UBND cấp huyện;

+ Phó Chủ tịch Hội đồng: Các Phó Chủ tịch UBND cấp huyện;

+ Ủy viên Hội đồng kiêm thư ký: Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện;

+ Các Ủy viên Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo các cơ quan: Văn phòng HĐND - UBND, phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Tư pháp, phòng Văn hóa - Thông tin, phòng Kinh tế và Hạ tầng, Thanh tra cấp huyện và một số cơ quan có liên quan.

Mời: Thường trực HĐND huyện; lãnh đạo Ban Tổ chức huyện ủy, thành ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện; Liên đoàn Lao động cấp huyện tham gia Hội đồng.

+ Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng.

- Nhiệm vụ của Hội đồng.

+ Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tự đánh giá, chấm điểm, thu thập tài liệu kiểm chứng, hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

+ Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận kết quả tự đánh giá, xếp loại của UBND cấp huyện.

+ Đề nghị Hội đồng đánh giá cấp tỉnh đánh giá, xếp loại theo quy định.

2. Thẩm quyền đánh giá

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

b) Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định xếp loại các phòng, ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc.

c) Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định xếp loại các phòng, ban chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện; xếp loại UBND cấp xã.

Điều 9. Hồ sơ đánh giá

Hồ sơ gồm có:

1. Báo cáo kết quả công tác năm.

2. Biên bản họp xét của Hội đồng.
3. Báo cáo tự chấm điểm của cơ quan đơn vị theo tiêu chí đánh giá, chấm điểm quy định tại Điều 4, Quy định này; báo cáo do người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký tên, đóng dấu.
4. Tài liệu kiểm chứng kèm theo báo cáo.
5. Văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận.
6. Báo cáo giải trình (nếu có yêu cầu).

Điều 10. Quy trình, trình tự đánh giá

1. Quy trình đánh giá, xếp loại

a) Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, đối chiếu với tiêu chí đánh giá, thành lập hội đồng cùng cấp tiến hành tự đánh giá, chấm điểm và tự nhận mức xếp loại, gửi hồ sơ lên Hội đồng thẩm định cấp tỉnh (cơ quan thường trực là Sở Nội vụ), chậm nhất ngày 31/12 hàng năm. *(riêng các hội đặc thù, kết quả tự đánh giá, xếp loại phải thông qua Ban Thường vụ hội trước khi gửi Hội đồng đánh giá cấp tỉnh)*

b) Sở Nội vụ (cơ quan thường trực Hội đồng)

Tổng hợp hồ sơ, thủ tục kết quả tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại cơ quan, đơn vị. Giúp Hội đồng chỉ đạo, phân công, hướng dẫn, kiểm tra tổ giúp việc của Hội đồng thực hiện nhiệm vụ.

c) Tổ giúp việc của Hội đồng thực hiện thẩm định, báo cáo Hội đồng.

d) Hội đồng đánh giá cấp tỉnh

- Hội đồng đánh giá thống nhất kết quả thẩm định bước 1, trao đổi, thống nhất với các cơ quan, đơn vị, Ban Tổ chức tỉnh ủy và báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh.

- Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh thảo luận cho ý kiến và báo cáo xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy.

- Sau khi Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến, Hội đồng đánh giá họp lần 2, rà soát hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình Chủ tịch UBND tỉnh ký quyết định xếp loại và công bố kết quả xếp loại của các cơ quan, đơn vị.

Điều 11. Chế độ khen thưởng, kỷ luật

1. Các cơ quan, đơn vị được xếp loại đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được khen thưởng theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng.

2. Các cơ quan, đơn vị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ, UBND tỉnh sẽ xem xét trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó liên quan của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó theo quy định hiện hành.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các tổ chức có liên quan

1. Các cơ quan, đơn vị.

a) Tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm túc Quy định này, hàng năm có trách nhiệm tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị theo quy định, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

b) Căn cứ Quy định này, cụ thể hóa thành quy định của cơ quan, đơn vị, địa phương để tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại đối với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tham mưu tổ chức thực hiện các chương trình công tác, đề án và quy trình giải quyết công việc của các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; định kỳ hàng tháng thống kê, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Nội vụ tổng hợp chung làm cơ sở để đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư định kỳ hàng tháng thống kê tình hình chấp hành chế độ thông tin báo cáo tháng, quý, 6 tháng, năm của các cơ quan, đơn vị, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Nội vụ tổng hợp chung làm cơ sở để đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

4. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, các ngành có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này, kịp thời tổng hợp những vấn đề vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH




Cầm Ngọc Minh



TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI CÁC SỞ

*Kèm theo Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND
ngày 07/8/2018 của UBND tỉnh Sơn La)*

Stt	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác	42	
1.1	Chủ động tham mưu, tổ chức xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	07	
1.2	Thực hiện các nhiệm vụ chương trình, đề án, dự án, phương án, kế hoạch, quy định, quy chế, cơ chế chính sách...do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; tham mưu đầy đủ, kịp thời cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản để chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước của sở.	15	
1.3	Thông tin, tuyên truyền, quán triệt, hướng dẫn, phổ biến các văn bản mới của Đảng, Nhà nước và của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về những lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của sở.	05	
1.4	Ban hành văn bản chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, các chức danh chuyên môn thuộc UBND cấp xã và các đơn vị thuộc quyền quản lý.	07	
1.5	Chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định của UBND hàng tháng, quý, 6 tháng, năm đúng thời gian quy định, chất lượng, đầy đủ thông tin.	06	
1.6	Thực hiện chặt chẽ, có hiệu quả sự phối hợp với các sở liên quan và UBND cấp huyện	02	
2	Thực hiện quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị; trong việc thực hiện nguyên tắc tổ chức, cơ chế quản lý, các nội quy, quy chế làm việc; thực hiện công tác thi đua – khen thưởng; công tác văn thư – lưu trữ.	10	
2.1	Thực hiện đúng Quy chế làm việc tại cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng và thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.	01	
2.2	Thực hiện tốt Quy chế dân vận chính quyền và quy chế dân chủ trong cơ quan nhà nước.	02	
2.3	Thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài chính, tài sản công	02	
2.4	Thực hiện tốt Quy chế văn hóa công sở	01	
2.5	Thực hiện công tác thi đua – khen thưởng đúng quy định	02	
2.6	Thực hiện công tác văn thư – lưu trữ đúng quy định	02	
3	Về lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác cải cách hành chính; công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ và công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu	40	
3.1	<i>Thực hiện công tác cải cách hành chính</i>	22	



3.1.1	Thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ CCHC và thực hiện chế độ thông tin báo cáo công tác CCHC.	03	
3.1.2	Thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật; xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản OPPL; theo dõi thi hành pháp luật.	03	
3.1.3	Thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính và công tác cải cách thủ tục hành chính	03	
3.1.4	Thực hiện công tác tổ chức bộ máy và biên chế tại sở.	03	
3.1.5	Thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý và thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức	03	
3.1.6	Thực hiện công tác cải cách tài chính công	03	
3.1.7	Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành; duy trì hoạt động có chất lượng Trang thông tin điện tử của sở	02	
3.1.8	Thực hiện việc áp dụng Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008	02	
3.2	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ và công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	15	
3.2.1	Ban hành kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra theo ngành, lĩnh vực. Hoàn thành kế hoạch kiểm tra, thanh tra trong năm. Ban hành các kết luận thanh tra. Thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và có báo cáo kết quả thực hiện. (Đối với cơ quan, đơn vị không có bộ phận thanh tra chấm 50% số điểm tối đa).	03	
3.2.2	Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, kết luận đúng thời gian quy định. (Đối với cơ quan, đơn vị không có bộ phận thanh tra chấm 50% số điểm tối đa).	02	
3.2.3	Tổ chức công tác tiếp công dân theo quy định	02	
3.2.4	Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền và khi được giao đúng quy định của pháp luật. Không có đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được tính bằng điểm chuẩn tối đa.	04	
3.2.5	Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đúng quy trình và thời gian quy định.	02	
3.2.6	Xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đúng thời gian quy định	02	
3.3	Thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu	03	
3.3.1	Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản ánh và tố giác, tố cáo về hành vi tham nhũng.	02	
3.3.2	Thực hiện công tác tiết kiệm, chống lãng phí	01	
	CỘNG	92	
4	Điểm cộng	08	
4.1	Có thành tích xuất sắc, nổi bật trong việc tham mưu xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách, mô hình phát triển kinh tế - xã hội; giải quyết, hoàn thành các công việc trọng tâm, trọng điểm, công việc phát sinh, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ghi nhận (mỗi công việc, nhiệm vụ được thưởng 01 điểm, nhưng không quá 04 điểm)	không quá 04	



4.2	Có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt nghiệm thu trong năm có khả năng triển khai ứng dụng, mỗi đề tài, dự án khoa học công nghệ được cộng thêm 1 điểm (tối đa không quá 02 điểm)	không quá 02	
4.3	Những trường hợp có thành tích nổi trội khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (không quá 02 điểm).	không quá 02	
5	Điểm trừ		
5.1	Tham mưu ban hành hoặc ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, hủy bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền, một văn bản trừ 01 điểm		
5.2	Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền mà không giải quyết trừ 02 điểm		
5.3	Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền có giải quyết nhưng giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng dẫn đến đơn thư vượt cấp (trừ đơn, thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo phản ánh, mỗi trường hợp trừ 01 điểm, đúng 01 phần trừ 0,5 điểm.		
5.4	Không tập trung giải quyết hoặc giải quyết không hiệu quả khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền, dẫn đến có khiếu nại, tố cáo kéo dài, đông người phải giải quyết nhiều lần, mỗi trường hợp trừ 02 điểm.		
5.5	Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền trừ 02 điểm.		
5.6	Trong cơ quan, đơn vị hoặc có đơn vị trực thuộc xảy ra các vụ việc tham ô, tham nhũng; có thành viên lãnh đạo trong cơ quan bị kỷ luật hoặc khởi tố mà hành vi vi phạm xảy ra tại cơ quan, đơn vị đó; có vấn đề nổi cộm hoặc mất đoàn kết nội bộ khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, hạ 01 bậc xếp loại		
5.7	Bị Chủ tịch UBND tỉnh, hoặc cấp có thẩm quyền có văn bản phê bình, nhắc nhở trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, mỗi lần trừ 0,5 điểm		
5.8	Có cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của cơ quan, đơn vị vi phạm kỷ luật, bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên, mà hành vi vi phạm xảy ra tại cơ quan, đơn vị đó mỗi trường hợp trừ 01 điểm (trường hợp nếu tự phát hiện và chủ động xử lý thì sẽ không bị trừ điểm)		
5.9	Có cán bộ, công chức, viên chức, người đứng đầu của cơ quan, đơn vị trực thuộc bị khởi tố theo từng mức, bị trừ 03 điểm cho mỗi trường hợp.		
5.10	Những trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (không quá 02 điểm)		




PHỤ LỤC 2

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI UBND CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

Stt	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	Kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh, đối ngoại trên địa bàn cấp huyện theo Nghị quyết của HĐND cấp huyện	42	
1.1	Thực hiện tốt và hoàn thành các chỉ tiêu về phát triển kinh tế của huyện.	07	
1.2	Thực hiện tốt và hoàn thành các chỉ tiêu về văn hóa xã hội của huyện.	07	
1.3	Thực hiện tốt và hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng an ninh của huyện.	05	
1.4	Tổ chức đánh giá đầy đủ việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác,	04	
1.5	Giải ngân thanh toán các nguồn vốn trong kế hoạch được giao.	07	
1.6	Thực hiện công tác quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.	05	
1.7	Chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định hàng tháng, quý, 6 tháng, năm đúng thời gian quy định, chất lượng, đầy đủ thông tin.	05	
1.8	Những sáng kiến, giải pháp nhằm đổi mới phương pháp làm việc, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn huyện đem lại hiệu quả thiết thực	02	
2	Thực hiện quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị; trong việc thực hiện nguyên tắc tổ chức, cơ chế quản lý, các nội quy, quy chế làm việc; thực hiện công tác thi đua – khen thưởng; công tác văn thư – lưu trữ.	10	
2.1	Thực hiện đúng Quy chế làm việc tại cơ quan, đơn vị	01	
2.2	Thực hiện tốt Quy chế dân vận chính quyền và quy chế dân chủ trong cơ quan nhà nước.	02	
2.3	Thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài chính, tài sản công	02	
2.4	Thực hiện tốt Quy chế văn hóa công sở	01	
2.5	Thực hiện công tác thi đua – khen thưởng đúng quy định	02	
2.6	Thực hiện công tác văn thư – lưu trữ	02	
3	Về lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác cải cách hành chính; công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ và công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.	40	

3.1	Thực hiện công tác cải cách hành chính	22	
3.1.1	Thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ CCHC và thực hiện chế độ thông tin báo cáo công tác CCHC.	03	
3.1.2	Thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật; xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL; theo dõi thi hành pháp luật.	03	
3.1.3	Thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính và công tác cải cách thủ tục hành chính	03	
3.1.4	Thực hiện công tác tổ chức bộ máy và biên chế tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc huyện.	03	
3.1.5	Thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý và thực thực đầy đủ chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức	03	
3.1.6	Thực hành tiết kiệm trong quản lý tài chính, tài sản công	03	
3.1.7	Việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành hoạt động thực hiện nhiệm vụ; chất lượng cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của sở	02	
3.1.8	Thực hiện việc áp dụng Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008	02	
3.2	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ và công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	15	
3.2.1	Ban hành kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định. Tổ chức thực hiện và hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra trong năm. Thực hiện công tác kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và có báo cáo kết quả xử lý những vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.	03	
3.2.2	Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, kết luận đúng thời gian quy định.	02	
3.2.3	Tổ chức công tác tiếp công dân theo quy định.	02	
3.2.4	Giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền và khi được giao đúng quy định của pháp luật. Không có đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được tính bằng điểm chuẩn tối đa.	04	
3.2.5	Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đúng thời gian quy định.	02	
3.2.6	Xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đúng thời gian quy định	02	
3.3	Thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu	03	
3.3.1	Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản ánh và tố giác, tố cáo về hành vi tham nhũng.	02	
3.3.2	Thực hiện công tác tiết kiệm, chống lãng phí	01	
	CỘNG	92	
4	Điểm cộng	8	
4.1	Có thành tích xuất sắc, nổi bật trong việc tham mưu đề xuất xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách, mô hình phát triển kinh tế - xã hội, được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ghi nhận (được thưởng không quá 02 điểm).	Không quá 02 điểm	




4.2	Thu hút đầu tư, giải phóng mặt bằng thu hút đầu tư trong năm (từ 5 – 10 dự án được thưởng 01 điểm; trên 10 dự án được thưởng 03 điểm).	Không quá 03 điểm	
4.3	Có đề tài, dự án khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được UBND tỉnh phê duyệt nghiệm thu trong năm có khả năng triển khai ứng dụng, mỗi đề tài, dự án khoa học công nghệ được cộng thêm 0,5 điểm (không quá 1,5 điểm).	Mỗi đề tài, dự án cộng 0,5 điểm, không quá 1,5 điểm	
4.4	Thu ngân sách trên địa bàn vượt kế hoạch UBND tỉnh giao đầu năm từ 20% trở lên được cộng thêm 01 điểm.	Không quá 01 điểm	
4.5	Những trường hợp có thành tích nổi trội khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (không quá 02 điểm).	Không quá 02 điểm	
5	Điểm trừ		
5.1	Tham mưu ban hành hoặc ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, hủy bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền, một văn bản trừ 01 điểm.		
5.2	Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền mà không giải quyết bị trừ 02 điểm.		
5.3	Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền có giải quyết nhưng giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng dẫn đến đơn thư vượt cấp (trừ đơn, thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo phản ánh, mỗi trường hợp trừ 01 điểm, đúng 01 phần trừ 0,5 điểm.		
5.4	Không tập trung giải quyết hoặc giải quyết không hiệu quả khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền, dẫn đến có khiếu nại, tố cáo kéo dài, đông người phải giải quyết nhiều lần, mỗi trường hợp trừ 02 điểm.		
5.5	Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền trừ 02 điểm.		
5.6	Trong cơ quan, đơn vị hoặc có đơn vị trực thuộc xảy ra các vụ việc tham ô, tham nhũng, có thành viên lãnh đạo trong cơ quan bị kỷ luật hoặc khởi tố, có vấn đề nổi cộm hoặc mất đoàn kết nội bộ khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, mà hành vi vi phạm xảy ra tại cơ quan, đơn vị đó, bị hạ một bậc xếp loại.		
5.7	Bị Chủ tịch UBND tỉnh, hoặc cấp có thẩm quyền có văn bản phê bình, nhắc nhở trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, mỗi lần trừ 0,5 điểm.		
5.8	Có cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của cơ quan, đơn vị vi phạm kỷ luật, bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên, mà hành vi vi phạm xảy ra tại cơ quan, đơn vị đó, mỗi trường hợp trừ 01 điểm (Trường hợp nếu tự phát hiện và chủ động xử lý thì sẽ không bị trừ điểm).		
5.9	Có cán bộ, công chức, viên chức, người đứng đầu của cơ quan, đơn vị trực thuộc bị khởi tố theo từng mức, bị trừ 03 điểm cho mỗi trường hợp.		
5.10	Những trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định không quá 02 điểm.		



TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM
CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC UBND TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND
ngày 07/8/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước	45	
1.1	Thực hiện các văn bản pháp luật, quy định của UBND tỉnh, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực	10	
1.1.1	Thực hiện các văn bản pháp luật, quy định của UBND tỉnh, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.	05	
1.1.2	Thực hiện và hoàn thành kế hoạch được giao về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính trong năm.	05	
1.2	Xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thành kế hoạch hàng năm về thực hiện nhiệm vụ	10	
1.2.1	Xây dựng kế hoạch hàng năm để tổ chức thực hiện nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập từng thời kỳ, giai đoạn.	05	
1.2.2	Tổ chức thực hiện và hoàn thành kế hoạch hàng năm được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.	05	
1.3	Thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao ngoài nhiệm vụ thường xuyên (<i>tính theo tỷ lệ công việc thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ so với tổng số công việc được giao trong năm</i>).	10	
1.4	Tổ chức thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh trở lên; các dự án đầu tư sản xuất, cung ứng dịch vụ công.	05	
1.5	Chấp hành chế độ, chính sách pháp luật về: thuế, phí và các khoản thu nộp ngân sách, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, lao động, tiền lương, chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán. (<i>Có báo cáo chuyên đề</i>).	05	
1.6	Thực hiện tốt sự phối hợp với các cơ quan, đơn vị và tổ chức liên quan trong các hoạt động phục vụ quản lý nhà nước.	05	
2	Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo	07	
2.1	Tổ chức việc tự kiểm tra theo quy định của pháp luật; thực hiện kết luận kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	04	
2.2	Giải quyết kịp thời đúng quy định pháp luật đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền được giao. Không có đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được tính điểm tối đa.	03	
3	Thực hiện quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng đơn vị	40	
3.1	Đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành nâng cao hiệu quả công tác, nâng cao năng suất lao động.	05	
3.2	Thực hiện công tác rà soát tổ chức, tinh giản biên chế và công tác cán bộ	05	
3.3	Thực hiện công tác tuyển dụng, quản lý, bố trí, sử dụng đúng quy định của	05	



	pháp luật của UBND tỉnh; thực hiện tốt công tác đào tạo nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đáp ứng thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao.		
3.4	Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản ánh và tố giác, tố cáo về hành vi tham nhũng.	03	
3.5	Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác quản lý tài chính, tài sản công, chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo quy định.	05	
3.6	Thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật của Đảng, Nhà nước và của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.	03	
3.7	Thực hiện tốt quy chế dân chủ và quy chế văn hóa công sở.	03	
3.8	Thực hiện công tác Thi đua – Khen thưởng	04	
3.9	Thực hiện công tác Văn thư – Lưu trữ	04	
3.10	Việc Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành hoạt động thực hiện nhiệm vụ như: sử dụng phần mềm quản lý văn bản, thư điện tử công vụ và có sử dụng thêm từ 02 phần mềm chuyên ngành trở lên.	03	
	CỘNG	92	
4	Điểm cộng	08	
4.1	Áp dụng tiêu chuẩn ISO trong hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.	Không quá 02 điểm	
4.2	Các đơn vị sự nghiệp công lập có thành tích xuất sắc, nổi bật trong việc phục vụ công tác quản lý nhà nước, tổ chức nghiên cứu khoa học có từ 01 đề tài cấp tỉnh trở lên được nghiệm thu.	Không quá 02 điểm	
4.3	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin như: sử dụng chữ ký số và có Trang Thông tin điện tử của đơn vị và thường xuyên cung cấp thông tin.	Không quá 02 điểm	
4.4	Những trường hợp khác do Hội đồng đánh giá xem xét, quyết định (không quá 02 điểm)	Không quá 02 điểm	
5	Điểm trừ		
5.1	Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền mà không giải quyết hoặc giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng dẫn đến đơn thư vượt cấp (trừ đơn, thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo phản ánh, mỗi trường hợp trừ 01 điểm, đúng 01 phần thì trừ 0,5 điểm.		
5.2	Có đơn vị trực thuộc xảy ra các vụ việc tham ô, tham nhũng; có thành viên lãnh đạo trong cơ quan trong năm bị kỷ luật hoặc khởi tố, mà hành vi vi phạm xảy ra tại cơ quan, đơn vị đó; có vấn đề nổi cộm hoặc mất đoàn kết nội bộ khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, bị hạ 01 bậc xếp loại.		
5.3	Có công chức, viên chức và lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP vi phạm kỷ luật, bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên, mà hành vi vi phạm đó xảy ra tại cơ quan, đơn vị đó, mỗi trường hợp trừ 01 điểm (trường hợp nếu tự phát hiện và chủ động xử lý thì không bị trừ điểm).		



5.4	Có công chức, viên chức và lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP bị khởi tố mà hành vi vi phạm đó xảy ra tại cơ quan, đơn vị, bị trừ 03 điểm cho mỗi tương hợp		
5.5	Những trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (không quá 02 điểm).		





**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM
ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC HỘI**
(Kèm theo Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND
ngày 07/8/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	Kết quả thực hiện vụ và quyền hạn của hội	50	
1.1	Thực hiện các văn bản pháp luật, quy định của UBND tỉnh, điều lệ hội, phương hướng phát triển về lĩnh vực hội hoạt động.	05	
1.2	Thực hiện việc tự nguyện, tự quản, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng công khai, minh bạch trong tổ chức hội.	10	
1.3	Xây dựng kế hoạch hàng năm để tổ chức và hoạt động phù hợp với lĩnh vực hoạt động của tổ chức hội.	10	
1.4	Mức độ thực hiện và hoàn thành kế hoạch của hội hàng năm.	10	
1.5	Thực hiện nghiêm túc, chấp hành đầy đủ các chế độ thông tin báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước theo đúng thời gian quy định.	05	
1.6	Thực hiện sự phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hội hoạt động	10	
2	Giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo	07	
	Giải quyết đúng quy định của pháp luật về đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của hội (tính theo tỷ lệ đơn thư khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng quy định của pháp luật trên tổng số đơn, thư trong năm). Không có đơn, thư khiếu nại, tố cáo được tính điểm tối đa).	07	
3	Thực hiện quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tổ chức và hoạt động hội	35	
3.1	Thực hiện công tác tuyển dụng, quản lý, bố trí, sử dụng người làm việc đúng quy định của pháp luật, của UBND tỉnh; thực hiện tốt công tác đào tạo nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ cho người làm việc đáp ứng thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ của hội.	08	
3.2	Thực hiện công tác Văn thư - Lưu trữ	05	
3.3	Thực hiện công tác Thi đua - Khen thưởng theo đúng quy định.	05	
3.4	Thực hiện quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội; quy chế dân chủ.	04	
3.5	Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ tại hội; tiếp nhận, xử lý các thông tin, báo cáo, phản ánh và tố giác, tố cáo về hành vi tham nhũng.	05	
3.6	Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác quản lý tài chính, tài sản công tại hội.	05	
3.7	Thực hiện công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật.	03	
	CỘNG	92	



4	Điểm công	08	
4.1	Cơ chế tài, dự án Khoa học công nghệ từ cấp tỉnh trở lên được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt triển khai thực hiện trong năm.	Không quá 02 điểm	
4.2	Hoàn thành nhiệm vụ được Tỉnh ủy, UBND tỉnh đặt hàng đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng	Không quá 02 điểm	
4.3	Việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành hoạt động thực hiện nhiệm vụ.	Không quá 02 điểm	
4.4	Những trường hợp khác do Hội đồng đánh giá xem xét, quyết định	Không quá 02 điểm	
5	Điểm trừ		
5.1	Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền mà không giải quyết hoặc giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng dẫn đến đơn thư vượt cấp (trừ đơn, thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo phản ánh, mỗi trường hợp trừ 01 điểm, đúng 01 phần thì trừ 0,5 điểm.		
5.2	Có đơn vị trực thuộc xảy ra các vụ việc tham ô, tham nhũng; có thành viên lãnh đạo trong cơ quan trong năm bị kỷ luật hoặc khởi tố, mà hành vi vi phạm xảy ra tại cơ quan, đơn vị đó; có vấn đề nổi cộm hoặc mất đoàn kết nội bộ khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, bị hạ 01 bậc xếp loại.		
5.3	Có công chức, viên chức và lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP vi phạm kỷ luật, bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên, mà hành vi vi phạm đó xảy ra tại cơ quan, đơn vị đó, mỗi trường hợp trừ 01 điểm (trường hợp nếu tự phát hiện và chủ động xử lý thì không bị trừ điểm).		
5.4	Có công chức, viên chức và lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP bị khởi tố mà hành vi vi phạm đó xảy ra tại cơ quan, đơn vị, bị trừ 03 điểm cho mỗi trường hợp.		
5.5	Những trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (không quá 02 điểm).		